

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

■ TS. ĐINH THẾ HƯNG*

Tóm tắt: Xuất phát từ luận điểm quá trình tố tụng hình sự là biểu hiện của việc thực hiện quyền tư pháp trong thực tiễn, bài viết đánh giá thực trạng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về vấn đề này, từ đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm tiếp tục kiểm soát có hiệu quả quyền tư pháp trong tố tụng hình sự Việt Nam, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời gian tới.

Từ khóa: kiểm soát quyền lực; tố tụng hình sự; cải cách tư pháp; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nhận bài: 13/01/2025

Hoàn thành biên tập: 08/7/2025

Duyệt đăng: 15/7/2025

COMPLETING THE MECHANISM OF CONTROLLING POWER IN CRIMINAL PROCEEDINGS IN VIETNAM

Abstract: Based on the argument that the criminal proceedings are a manifestation of the implementation of judicial power in practice, this article assesses the current status of Vietnamese criminal procedural law on this issue, thereby proposing a number of recommendations to continue to effectively control judicial power in Vietnamese criminal proceedings, meeting the requirements of judicial reform in the socialist rule of law state in Vietnam in the coming time.

Keywords: Control of power; criminal proceedings; judicial reform; socialist rule of law state.

Article received: 13/01/2025 Editing completed: 08/7/2025 Approved for publication: 15/7/2025

Đặt vấn đề

Xuất phát từ nguyên lý ở đâu có quyền lực nhà nước, ở đó cần hiện diện cơ chế kiểm soát tránh lạm quyền, việc kiểm soát quyền tư pháp tố tụng hình sự là tất yếu. Mặc dù, còn nhiều quan điểm khác nhau về quyền tư pháp. Tuy nhiên, các quan điểm đều thống nhất bản chất của quyền này là quyền xét xử do Tòa án thực hiện. Từ đó cho thấy, tố tụng hình

sự là một biểu hiện của thực hiện quyền tư pháp trên thực tế. Trong quá trình tố tụng hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng được sử dụng quyền lực nhà nước gồm cả các biện pháp cưỡng chế có tính chất hạn chế quyền con người nhằm phát hiện, xử lý tội phạm, bảo đảm mục đích không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Cũng như sử dụng quyền lực nhà nước trong các lĩnh vực lập pháp,

* Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội

hành pháp, việc thực hiện quyền tư pháp nói chung và quyền tư pháp trong tố tụng hình sự đều chứa đựng nguy cơ lạm quyền, được biểu hiện như sau: (i) lạm dụng quyền lực xâm phạm đến quyền con người trong tố tụng hình sự; (ii) vi phạm pháp luật dẫn đến bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội.

Quyền lực nhà nước luôn được thực hiện trên cơ sở những chuẩn mực nhất định. Theo đó, quyền lực nhà nước trong lĩnh vực tố tụng hình sự cũng phải thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật do Nhà nước đặt ra. Vì vậy, hoạt động kiểm soát quyền lực nói chung và kiểm soát quyền lực trong tố tụng hình sự nói riêng là hoạt động xem xét, theo dõi việc thực hiện, chấp hành các chuẩn mực mà pháp luật đặt ra cho các cơ quan, cá nhân được giao thẩm quyền thực hiện quyền lực. Mục đích của hoạt động kiểm soát là phát hiện, khắc phục kịp thời những sai lệch chuẩn mực và quy phạm đó để bảo đảm hiệu quả của hoạt động tố tụng hình sự¹. Kiểm soát quyền lực trong tố tụng hình sự là tăng cường kiểm soát bên trong việc thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động xét xử phù hợp với nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật².

1. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong tố tụng hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

Cơ chế kiểm soát quyền lực trong tố tụng hình sự là toàn bộ những phương tiện, quy trình, hoạt động được luật hóa mà dựa vào đó Nhà nước và xã hội có thể phát hiện, ngăn chặn, loại bỏ những hoạt động vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời, điều chỉnh các hoạt động đó để bảo đảm cho quyền lực tư pháp được thực hiện đúng mục đích là phát hiện, xử lý tội phạm, bảo vệ công lý, quyền con người trong tố tụng hình sự. Hiện, có ba cơ chế kiểm soát hoạt động tố tụng hình sự: (i) cơ chế kiểm soát bên trong hệ thống tố tụng hình sự: các chủ thể tiến hành tố tụng thực hiện kiểm soát hoạt động của các chủ thể khác nhằm kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật để có biện pháp khắc phục, bảo đảm tính hợp pháp của các hoạt động tố tụng và mục đích của tố tụng hình sự; (ii) cơ chế kiểm soát bên ngoài hệ thống tố tụng hình sự là sự giám sát của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử trong bộ máy nhà nước đối với hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; (iii) cơ chế kiểm soát ngoài cùng là sự giám sát của xã hội gồm tổ chức chính trị - xã hội, các

1. Nguyễn Thái Phúc (2011), “*Mô hình và điều kiện thay đổi chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân trước yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam*”, Tham luận tại Hội thảo “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong Nhà nước pháp quyền - Kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức và Việt Nam*”; Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện KASS Cộng hòa Liên bang Đức đồng tổ chức tại Hà Nội, ngày 27, 28/4/2011, tr. 3.

2. Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 27/NQ-TW).

thiết chế xã hội và công dân đối với hoạt động tố tụng hình sự. Trong cơ chế này, các chủ thể giám sát sẽ thực hiện theo những hình thức, phương pháp khác nhau và hậu quả của việc giám sát là khác nhau nhưng mục đích cuối cùng hướng đến là bảo đảm cho hoạt động tố tụng hình sự được thực hiện đúng pháp luật, bảo vệ quyền con người, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Nghiên cứu này phân tích cơ chế kiểm soát bên trong của hệ thống tố tụng hình sự Việt Nam gồm các nội dung: đối tượng, chủ thể, cách thức kiểm soát quyền tư pháp trong tố tụng hình sự.

1.1. Kiểm soát quyền lực từ phía Viện kiểm sát

Ở Việt Nam, Viện kiểm sát thực hiện 02 chức năng cơ bản là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Cả hai chức năng đều chứa đựng các yếu tố cốt lõi của kiểm soát quyền lực để tránh lạm quyền, vi phạm pháp luật của các chủ thể khác. Kiểm soát quyền lực từ phương diện Viện kiểm sát có đối tượng là tính hợp pháp trong hoạt động của cơ quan điều tra và của Tòa án.

Thứ nhất, kiểm sát hoạt động của cơ quan điều tra.

Viện kiểm sát được giao chức năng thực hành quyền công tố với nguyên nghĩa là buộc tội. Trong mô hình tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay, việc buộc tội theo nghĩa rộng gồm cả sự tham gia của cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Theo đó, điều tra là một giai đoạn độc lập của tố tụng hình sự với

chủ thể thực hiện trực tiếp là cơ quan điều tra có nhiệm vụ thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội. Bên cạnh đó, cơ quan có trách nhiệm chính thực hành quyền công tố (buộc tội một người trước Tòa án) là Viện kiểm sát. Như vậy, chức năng buộc tội ở Việt Nam được giao cho hai cơ quan là cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, từ đó, đặt ra nhu cầu tất yếu phải thiết kế cơ chế kiểm soát quyền lực từ phía Viện kiểm sát đối với hoạt động của cơ quan điều tra. Tuy nhiên, việc phân biệt giữa chức năng buộc tội, chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong cơ chế này là rất khó, nhưng xét cho cùng, các hoạt động của Viện kiểm sát ở giai đoạn điều tra đều nhằm bảo đảm cho việc buộc tội được đúng đắn và hợp pháp. Cơ chế này đã tồn tại trong tố tụng hình sự Việt Nam và được biểu hiện bằng nhiệm vụ, hoạt động cụ thể của Viện kiểm sát trong mối quan hệ với cơ quan điều tra cụ thể như sau: (i) chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát được quy định trong Hiến pháp năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (Hiến pháp năm 2013). Theo đó, Viện kiểm sát thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập trong mối quan hệ với các cơ quan khác, trong đó có cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra thực hiện các hoạt động điều tra để thu thập chứng cứ buộc tội nhưng Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất có thẩm quyền truy tố người phạm tội ra trước Tòa án; (ii) Viện kiểm sát có những thẩm quyền nhất định để bảo đảm cho việc buộc tội của mình hợp pháp, đúng đắn, thể hiện bằng các

thẩm quyền trong giai đoạn điều tra như phê chuẩn, hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của cơ quan điều tra; đề ra yêu cầu điều tra đối với cơ quan điều tra. Đặc biệt, Viện kiểm sát có quyền trả hồ sơ yêu cầu cơ quan điều tra điều tra bổ sung nếu thấy việc điều tra chưa đầy đủ hoặc có vi phạm pháp luật trong giai đoạn điều tra. Trong cơ chế kiểm soát này, cơ quan điều tra phải khắc phục những vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát chỉ ra hoặc thực hiện những yêu cầu của Viện kiểm sát. Nghiên cứu cho thấy, việc kiểm sát này đã vượt ra ngoài quan hệ chế ước mà nó phản ánh là quan hệ của cơ quan thực hành quyền công tố (Viện kiểm sát) với cơ quan tham gia vào thực hành quyền công tố là (cơ quan điều tra); (iii) Viện kiểm sát có quyền tham gia vào một số hoạt động điều tra để bảo đảm tính hợp pháp của các hoạt động này như khám nghiệm hiện trường, khám xét, thực nghiệm điều tra.

Thứ hai, kiểm sát hoạt động của Tòa án. Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động của Tòa án thông qua cơ chế chế ước giữa hai cơ quan, theo đó, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân thủ pháp luật nhằm phát hiện những vi phạm pháp luật trong quá trình xét xử của Tòa án để kịp thời kiến nghị Tòa án khắc phục; Tòa án chỉ được xét xử hành vi, người và tội danh mà Viện kiểm sát truy tố (Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015)). Trong trường hợp phải xử về tội danh nặng hơn, trước khi xét xử,

Tòa án phải trao đổi với Viện kiểm sát hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung (khoản 3 Điều 20 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án hình sự ban hành kèm theo (Quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao). Viện kiểm sát có quyền rút quyết định truy tố, luận tội, phát biểu quan điểm tại phiên tòa trên cơ sở kết quả xem xét, đánh giá chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa (Điều 235, Điều 285, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015)... Như vậy, Viện kiểm sát thực hiện quyền buộc tội để kiểm sát việc xét xử mà Tòa án không thể “lấn sân”.

Trong giai đoạn xét xử, Viện kiểm sát thực hiện quyền kiểm sát việc tuân thủ pháp luật của Tòa án trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự, thời hạn xét xử, tính hợp pháp của các thủ tục xét xử tại phiên tòa; đồng thời, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án nếu thấy trái pháp luật.

1.2. Kiểm soát từ phía Tòa án

Tòa án kiểm soát các hoạt động tư pháp của cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thông qua thực hiện chức năng xét xử. Tòa án có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung nếu thấy việc điều tra chưa đầy đủ hoặc có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong quá trình điều tra. Như vậy, Tòa án kiểm soát hoạt động của cơ quan điều tra một cách gián tiếp thông qua việc phát hiện sai sót, vi phạm pháp luật của giai đoạn điều tra trong quá trình xét xử để trả hồ sơ cho Viện kiểm sát điều tra bổ sung. Viện kiểm sát trên cơ sở yêu cầu của Tòa án,

đề nghị cơ quan điều tra khắc phục những vấn đề mà Tòa án yêu cầu. Việc kiểm soát quyền lực của Tòa án còn thể hiện ở cơ chế xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm và hoạt động giám đốc kiểm tra của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới.

1.3. Kiểm soát từ bên bào chữa

Trong mô hình tố tụng hình sự luôn tồn tại ba chức năng cơ bản là buộc tội, gỡ tội và xét xử. Sự vận hành của ba chức năng này trong tố tụng hình sự tạo nên cơ chế kiểm soát quyền lực bên trong hệ thống tố tụng hình sự. Ngoài cơ chế kiểm soát giữa Viện kiểm sát và Tòa án còn tồn tại cơ chế kiểm soát của bên bị buộc tội với bên buộc tội thông qua việc bên bị buộc tội thực hiện các quyền bào chữa. Trong cơ chế kiểm soát này, đối tượng kiểm soát quyền lực là toàn bộ hoạt động của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Từ giai đoạn khởi tố vụ án cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, người bị buộc tội và người bào chữa phát hiện vi phạm của bên buộc tội; tại phiên tòa, thông qua tranh tụng, người bào chữa chỉ ra tính thiếu căn cứ trong luận cứ, luận chứng của bên buộc tội. Người bị buộc tội và người bào chữa có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án. Bên bị buộc tội thực hiện việc kiểm soát quyền lực của Tòa án và Viện kiểm sát thông qua cơ chế khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự.

2. Một số bất cập và đề xuất hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong tố tụng hình sự ở Việt Nam

Từ thực tiễn cho thấy, việc thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong tố tụng hình sự ở Việt Nam còn tồn tại một số bất cập dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, xâm phạm đến quyền con người trong tố tụng hình sự... Để hoàn thiện cơ chế này, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục cải cách mô hình tố tụng hình sự theo hướng: xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá³. Mô hình tố tụng hình sự là sự khái quát cao những đặc trưng cơ bản, phổ biến, phản ánh cách thức tổ chức hoạt động tố tụng hình sự, cách thức tìm đến sự thật khách quan của vụ án, qua đó, quyết định địa vị tố tụng của các chủ thể tố tụng, tính chất của mối quan hệ giữa các chủ thể tố tụng và trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự⁴. Chính vì vậy, mô hình tố tụng hình sự liên quan chặt chẽ tới việc kiểm soát quyền lực nhà nước trong tố tụng hình sự. Mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay thể hiện rõ quan điểm về tố tụng hình sự là công việc của Nhà nước, là việc Nhà nước phát hiện, xử lý tội phạm bảo vệ lợi ích công cộng. Nhà nước sẽ tập trung mọi nguồn lực để phát hiện, xử lý vụ án hình sự với sự tham gia chủ yếu của các cơ quan nhà nước chuyên trách⁵.

3. Nghị quyết số 27/NQ-TW.

4. Nguyễn Thị Thủy (2014), “*Mô hình Tố tụng hình sự Việt Nam và vấn đề áp dụng tố tụng tranh tụng*”, Luận án tiến sỹ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 37.

5. Nguyễn Thị Thủy, *tlđd*.

Chính vì vậy, tính công khai của các hoạt động tố tụng hình sự hiện nay còn hạn chế, trong khi đó, công khai là một trong những yếu tố bảo đảm kiểm soát quyền lực. Ngược lại, mô hình tố tụng hình sự tranh tụng với ưu điểm là sự phân chia rành mạch giữa các chức năng buộc tội, gỡ tội và xét xử. Với cơ chế hoạt động của 03 chức năng này đã hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực, tức là khả năng phát hiện vi phạm pháp luật của các chủ thể khác.

Trong mô hình tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay, giai đoạn điều tra do cơ quan điều tra thực hiện và truy tố do Viện kiểm sát thực hiện có vai trò vô cùng quan trọng. Hai cơ quan này có trách nhiệm lập hồ sơ vụ án hình sự và chuyển giao cho Tòa án trong giai đoạn xét xử. Mặc dù, hiện, Tòa án không quá phụ thuộc vào hồ sơ, nhưng hồ sơ lập sẵn trước đó của cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có ảnh hưởng đến hoạt động xét xử của Tòa án. Tại phiên tòa, chủ yếu thẩm phán xét hỏi bị cáo, người bị hại, các nhân chứng để kiểm tra chứng cứ có hồ sơ, có thể phát hiện chứng cứ mới, sau đó mới đến phần tranh tụng giữa các bên và cuối cùng Tòa án ra phán quyết. Trong khi đó, để bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát và người bào chữa phải được chủ động hỏi để bảo vệ cáo trạng hoặc bảo vệ quan điểm bào chữa của mình. Tòa án là chủ thể điều khiển việc xét hỏi của Viện kiểm sát, người bào chữa và chỉ hỏi thêm khi còn những

vấn đề chưa rõ. Do đó, cần đổi mới thủ tục xét xử tại phiên tòa theo hướng tăng cường tranh tụng giữa bên buộc tội và bào chữa là một giải pháp bảo đảm kiểm soát quyền lực trong tố tụng hình sự trong thời gian tới.

Thứ hai, một trong những điều kiện bảo đảm kiểm soát quyền lực trong tố tụng hình sự là sự rành mạch, bình đẳng của 03 chức năng (buộc tội, gỡ tội, xét xử), đặc biệt là chức năng gỡ tội. Thực hành quyền công tố là chức năng hiến định của Viện kiểm sát nhưng việc tổ chức thực hiện còn một số bất cập nhất định. Theo đó, chức năng buộc tội được thực hiện bởi 02 chủ thể là cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Các quy định của pháp luật cũng như thực tiễn cho thấy vai trò rất lớn của cơ quan điều tra. Kết quả buộc tội trước Tòa phụ thuộc vào tính đầy đủ, toàn diện và hợp pháp của các chứng cứ được thu thập trong giai đoạn điều tra. Tuy nhiên, Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất thực hành quyền công tố trước Tòa, chịu trách nhiệm chứng minh tội phạm, nội dung, chất lượng truy tố. Để giải quyết vấn đề này, việc nghiên cứu chuyển Viện kiểm sát thành Viện công tố đã được đưa ra⁶. Tuy nhiên, trước mắt cần thực hiện đầy đủ, thực chất, hiệu quả chỉ đạo “thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp”⁷, hoàn thiện cơ chế tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra. Việc buộc tội phải đặt ra ngay từ gian đoạn khởi tố vụ án. Cơ

6. Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

7. Theo Nghị quyết số 27/NQ-TW.

quan công tố có toàn quyền quyết định vấn đề buộc tội và hoàn toàn chịu trách nhiệm về quan điểm buộc tội của mình.

Sự bất cập trong tổ chức thực hiện các chức năng tố tụng hình sự còn thể hiện trong mối quan hệ giữa Tòa án và Viện kiểm sát dẫn đến việc kiểm soát quyền lực giữa hai chủ thể này chưa thực sự hiệu quả, thể hiện trong các hoạt động như: trả hồ sơ điều tra bổ sung, giới hạn xét xử, rút quyết định truy tố và khởi tố vụ án hình sự. Về các vấn đề này, nghiên cứu đề xuất như sau:

(i) Trong trường hợp cần điều tra bổ sung, Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án trả hồ sơ theo quy định hiện hành. Bên cạnh đó, cần quy định theo hướng Viện kiểm sát bổ sung chứng cứ trong trường hợp cần thiết và chủ động cung cấp cho Tòa án mà không cần sự cho phép của Tòa án như quy định hiện nay. Điều tra bổ sung thực chất là để Viện kiểm sát chủ động củng cố quan điểm buộc tội. Nếu Viện kiểm sát không chủ động thì Tòa án xét xử trên cơ sở các chứng cứ đã có, tránh tình trạng trả hồ sơ nhiều lần nếu Viện kiểm sát không thực hiện yêu cầu của Tòa án. Đây cũng là giải pháp tăng cường vai trò và thể hiện rõ tính chất của quyền công tố và thực hành quyền công tố. Điều này là hợp lý trong trường hợp bỏ thẩm quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử, thay vào đó là việc tạm dừng phiên tòa trong thời hạn nhất định để Viện kiểm sát điều tra bổ sung nếu Viện kiểm sát yêu cầu.

(ii) Về giới hạn xét xử: nội dung của vấn đề này bảo đảm sự độc lập của quyền công tố cũng như tính chất của xét xử là có buộc tội mới có xét xử. Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) quy định, Tòa án chỉ xét xử bị cáo, hành vi và theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Như vậy, tội danh Viện kiểm sát truy tố là yếu tố ràng buộc và gây khó khăn cho Tòa án khi giải quyết vấn đề giới hạn xét xử. Theo nghiên cứu, để giải quyết vấn đề này, cần áp dụng Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 theo hướng, thực hiện nguyên tắc Viện kiểm sát chỉ truy tố người và hành vi cùng với tình tiết mà Viện kiểm sát đã làm rõ. Tòa án sẽ quyết định điều luật áp dụng và tội danh của bị cáo. Tòa án sẽ không được xét xử người, hành vi, những tình tiết mà Viện kiểm sát không buộc tội.

(iii) Rút quyết định truy tố: cần phải hoàn thiện quy định về việc Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa. Theo nghiên cứu, không thể quy định Viện kiểm sát rút toàn bộ truy tố mà Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử như quy định tại Điều 325 và khoản 4 Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bởi lẽ, về nguyên tắc, khi Viện kiểm sát rút quyết định truy tố (không buộc tội) thì việc xét xử phải được đình chỉ tại phiên tòa. Theo đó, nếu Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa thì Tòa án dừng việc xét xử. Việc rút truy tố của Viện kiểm sát nếu không đúng sẽ xử lý bằng cơ chế khác,

như Viện kiểm sát cấp trên hủy bỏ quyết định rút truy tố của Viện kiểm sát cấp dưới.

Thứ ba, bảo đảm sự bình đẳng của bên gỡ tội. Như đã phân tích, cùng với việc tranh tụng, vai trò của bên gỡ tội trong kiểm soát quyền lực là rất lớn, đặc biệt là kiểm soát quyền lực của bên buộc tội. Tuy nhiên, sự bình đẳng của bên gỡ tội trong tố tụng hình sự có lúc, có nơi chưa thực sự được bảo đảm, do đó, việc kiểm soát quyền lực của chủ thể này còn hạn chế, thể hiện ở việc, bị cáo, người bào chữa chỉ là người tham gia tố tụng mà không phải là một bên thực hiện chức năng bào chữa trong tố tụng hình sự dẫn đến vai trò của bên bào chữa khá “mờ nhạt”. Theo quy định pháp luật hiện hành, người bào chữa chưa được tiếp cận nhanh chóng với người bị buộc tội khi họ bị bắt, sự tham gia của người bào chữa còn phụ thuộc nhiều vào cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Sự bất bình đẳng này thể hiện ở sự tồn tại của một hồ sơ chính thức do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xác lập ngay từ đầu. Quá trình giải quyết vụ án là quá trình hoàn thiện hồ sơ đó. Do đó, mọi chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập do phía bị cáo, người làm chứng cung cấp đều phải được cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chấp nhận là chứng cứ và đưa vào trong hồ sơ. Điều này trái với nguyên lý, tất cả chứng cứ phải bình đẳng và việc tự do

đánh giá chứng cứ tại phiên tòa. Theo nguyên lý này, pháp luật không quy định danh mục đóng các nguồn chứng cứ. Hoạt động chứng minh có thể thực hiện bằng những thông tin từ bất kỳ nguồn nào nếu nguồn thông tin đó không bị luật cấm một cách minh thị tại phiên tòa; không có chứng cứ nào có ưu thế hơn các chứng cứ còn lại⁸. Bên cạnh đó, theo tinh thần bản án phải dựa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì các chứng cứ có trong hồ sơ và chứng cứ do người bào chữa trực tiếp cung cấp tại phiên tòa phải được xem xét và đối xử bình đẳng.

Ngoài ra, Việt Nam cần thay đổi quan niệm về chứng cứ theo hướng ghi nhận nguyên tắc tự đánh giá chứng cứ, xóa bỏ hai hệ thống chứng cứ trong và ngoài hồ sơ, bảo đảm các chứng cứ đều là cơ sở trước khi được Tòa đánh giá. Các chứng cứ trong hồ sơ do bên công tố xác lập và chứng cứ do luật sư xuất trình tại phiên tòa phải được xem xét bình đẳng như nhau về giá trị; ghi nhận cụ thể giới hạn chứng minh trong tố tụng hình sự theo nguyên lý “a beyond reasonable doubt” - vượt qua nghi ngờ hợp lý và yêu cầu Tòa án thực hiện nguyên tắc “còn hoài nghi thì không thể kết tội”⁹. Xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa cần phải bảo đảm sự bình đẳng của các bên và khả năng của các bên trong việc trình bày quan điểm, chứng cứ của mình.

8. Nguyễn Thái Phú (2023), “*Những học thuyết chứng cứ cơ bản trong tố tụng hình sự*”, Kỷ yếu hội thảo Chứng cứ và chứng minh trong giải quyết vụ án hình sự, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 08/11/2023, tr. 7.

9. Đinh Thế Hưng, “*Bàn về giới hạn chứng minh và nghĩa vụ chứng minh trong Tố tụng hình sự Việt Nam*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 6/2018.

Thứ tư, theo nguyên lý phổ quát, việc hạn chế quyền cơ bản của con người phải do Tòa án quyết định bằng thủ tục tư pháp. Tuy nhiên, ở Việt Nam, hiện, các biện pháp có tính chất cưỡng chế nhằm ngăn chặn người tình nghi như tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú... do cơ quan điều tra thực hiện không phải trên cơ sở quyết định của Tòa án mà là sự phê chuẩn của Viện kiểm sát. Điều này chưa thực sự hợp lý. Vì vậy, cần nghiên cứu quy định Tòa án có nhiệm vụ xem xét, quyết định các hoạt động mang tính chất hạn chế quyền con người của người bị buộc tội.

Kết luận

Tố tụng hình sự thể hiện rõ nhất bản chất, nội dung của quyền lực nhà nước trong phát hiện, xử lý tội phạm, người phạm tội. Đây cũng là lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ lạm quyền, vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền con người từ phía cơ quan tiến hành tố tụng. Điều đó cho thấy, cần thiết kế cơ chế kiểm soát đối với việc thực hiện quyền lực nhà nước trong lĩnh vực này. Tố tụng hình sự Việt Nam đã có nhiều quy định giải quyết vấn đề này, tuy nhiên, trong bối cảnh tiếp tục cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát bên trong quá trình tố tụng hình sự bằng việc cải tiến mô hình tố tụng hình sự, tổ chức thực hiện khoa học, hợp lý các chức năng tố tụng hình sự, giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong mối quan hệ giữa các chủ thể tiến hành tố tụng như trả hồ sơ để điều tra bổ sung,

Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố... như vậy, việc kiểm soát quyền lực trong mô hình tố tụng hình sự sẽ đạt được hiệu quả và hạn chế các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Thế Hưng, “Bàn về giới hạn chứng minh và nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng hình sự Việt Nam”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 6/2018.

2. Nguyễn Thái Phúc (2011), “Mô hình và điều kiện thay đổi chức năng, nhiệm vụ của Viện Kiểm sát nhân dân trước yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam”, Tham luận tại Hội thảo “Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong nhà nước pháp quyền - Kinh nghiệm của Cộng hòa liên bang Đức và Việt Nam”, Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện KASS CHLB Đức đồng tổ chức, Hà Nội, ngày 27, 28/4/2011.

3. Nguyễn Thái Phúc (2023), “Những học thuyết chứng cứ cơ bản trong tố tụng hình sự”, Kỷ yếu Hội thảo “Chứng cứ và chứng minh trong giải quyết vụ án hình sự”, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 08/11/2023.

4. Nguyễn Thị Thủy (2014), “Mô hình tố tụng hình sự Việt nam và vấn đề áp dụng tố tụng tranh tụng”, Luận án tiến sỹ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Đào Trí Úc, “Tố tụng hình sự Việt Nam hoàn thiện theo hướng nào?”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 15 (200)/tháng 8/2011.